TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/08/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhân
2. Bà Huỳnh Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Trần M, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, Tp Cần Thơ (nay là phường P, Tp Cần Thơ)

Căn cước công dân số: 092188006526

- Bị đơn: ông Lê Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, Tp Cần Thơ (nay là phường P, Tp Cần Thơ)

Chứng minh nhân dân số: 362259601

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 14/03/2025 cũng như trong quá trình giải quyết

vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trần M trình bày: Giữa bà và ông Lê Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên dẫn đến cự cãi, bất hòa về quan điểm sống, chủ yếu do ông N có người phụ nữ khác. Đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu được ly hôn. Về nợ chung và tài sản chung là không có. Về con chung có 03 con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 14/05/2013; Lê Thanh N, sinh ngày 20/06/2015; Lê Thanh Đ, sinh ngày 28/10/2018, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với ông Lê Văn N. Về nợ chung và tài sản chung là không có. Về con chung có 03 con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 14/05/2013; Lê Thanh N, sinh ngày 20/06/2015; Lê Thanh Đ, sinh ngày 28/10/2018, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không chăm lo cho đời sống của vợ con, có người phụ nữ khác, bà có khuyên ngăn nhưng không có kết quả, hiện đã ly thân hơn 06 tháng không ai thăm hỏi đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N. Giữa bà Nguyễn Thị

Trần M và ông Lê Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Phước Thới, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Trần M thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không còn thương yêu lẫn nhau, quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N có tình cảm với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến bà.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời trình bày của bà Trần M vợ chồng kết hôn năm 2013, gần đây thì không còn sống chung với nhau (ly thân), từ khi ly thân đến nay thì không ai quan tâm đến ai, không gặp nhau thăm hỏi cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặc nhau, không còn thương yêu và không có tình nghĩa vợ chồng. Ông N mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án có ý kiến thể hiện ông N bỏ mặc cuộc hôn nhân này, thiếu trách nhiệm và nghĩa vụ trong mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng.

Vì vậy, mối quan hệ hôn nhân của bà Trần M và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần M.

[2.2] Về con chung: Nhận thấy 03 con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 14/05/2013; Lê Thanh N, sinh ngày 20/06/2015; Lê Thanh Đ, sinh ngày 28/10/2018 hiện đang sinh sống cùng bà Trần M, các cháu N, cháu N, cháu Đ có ý kiến muốn sinh sống cùng bà Trần M nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao 03 con chung cho bà Trần M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do bà Trần M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên Toà án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trần M phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trần M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Trần M ly hôn với ông Lê Văn N.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về con chung*: Giao cháu 03 con chung Lê Thanh N, sinh ngày 14/05/2013; Lê Thanh N, sinh ngày 20/06/2015; Lê Thanh Đ, sinh ngày 28/10/2018 cho bà Trần M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Trần M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002461 ngày 06/05/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS TPCT;
- UBND phường Phước Thới;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái